CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài

Ngày 31/12/2024	25,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	**-5.1%**	**-6.9%**

DT thuần
Q4/24
194
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00| -2.1%
YoY: ▲ 27.0| 16.0%

LN thuần
Q4/24
17.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30| -6.9%
YoY: ▲ 1.60| 9.9%

LN sau thuế
Q4/24
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80| -12.3%
YoY: ▼3.30| -20.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
10.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE
2024
35.3%
YoY: +/-▼ 8.8%

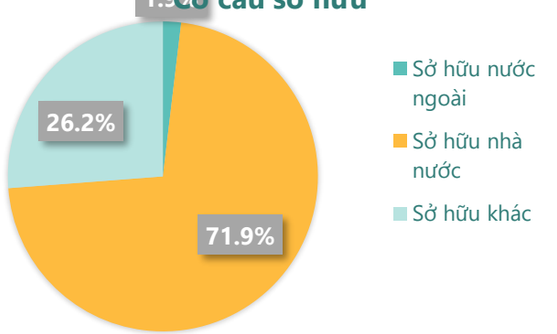
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,000 - 30,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	463
Số lượng CPLH (CP)	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,665
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.71
EPS	3,048
P/E	8.5

DT thuần
2024
732
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 118| 19.3%

LN thuần
2024
67.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.4| 46.8%

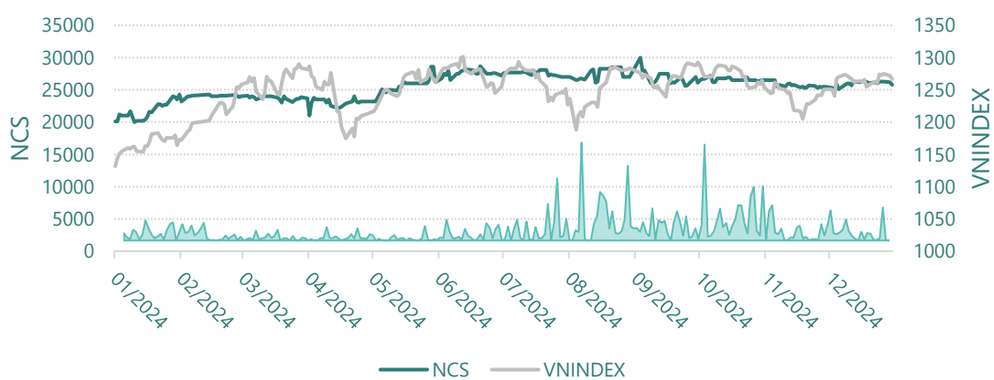
LN sau thuế
2024
54.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.60| 18.6%

Cơ cấu sở hữu

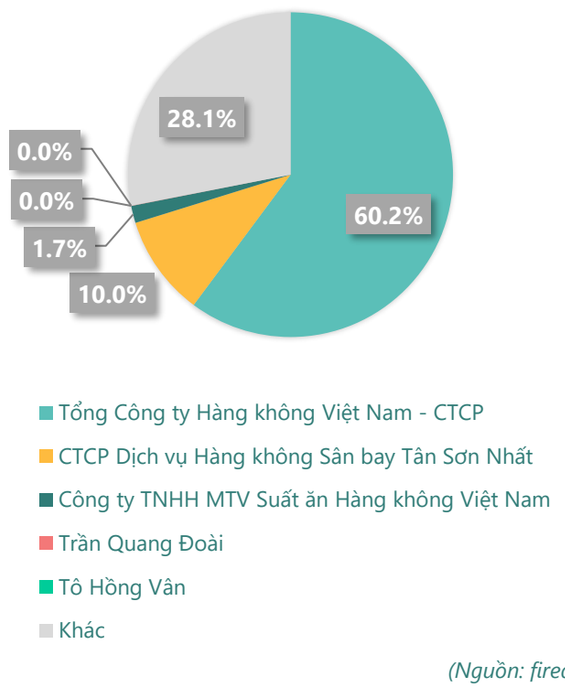


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



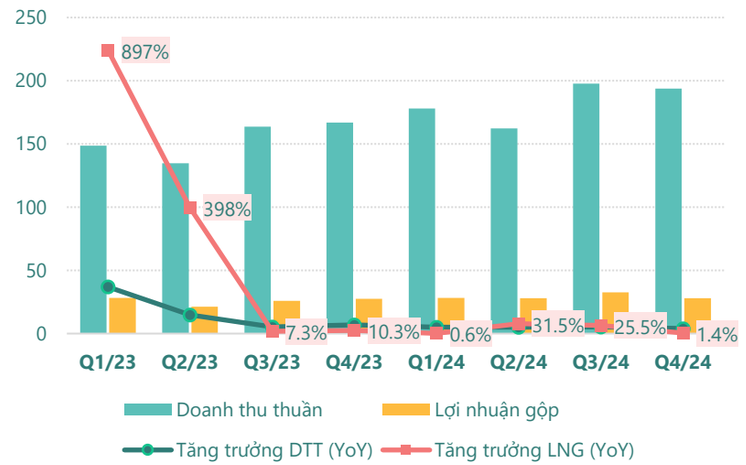
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

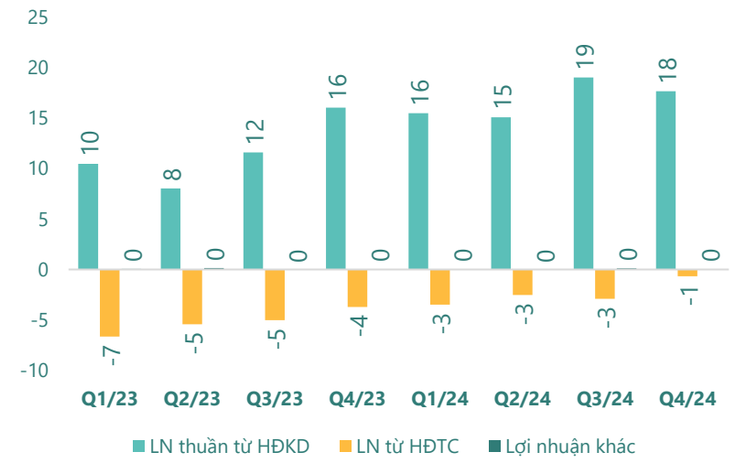
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



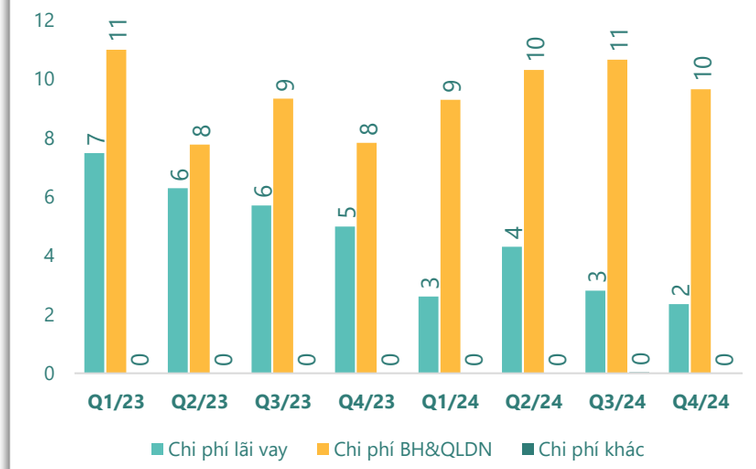
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



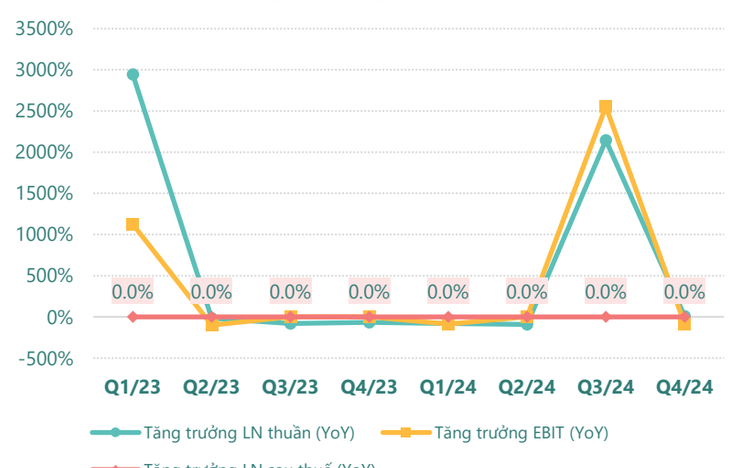
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



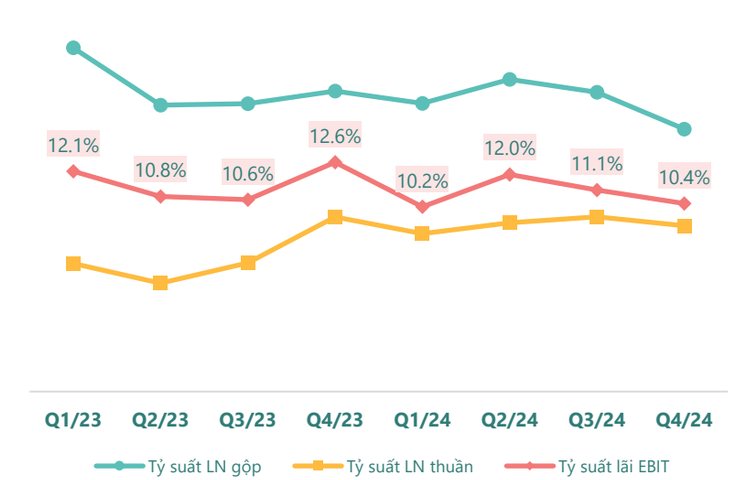
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



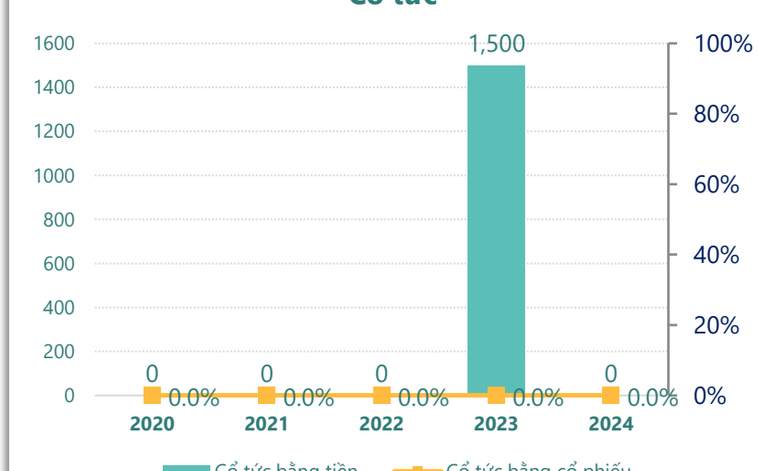
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

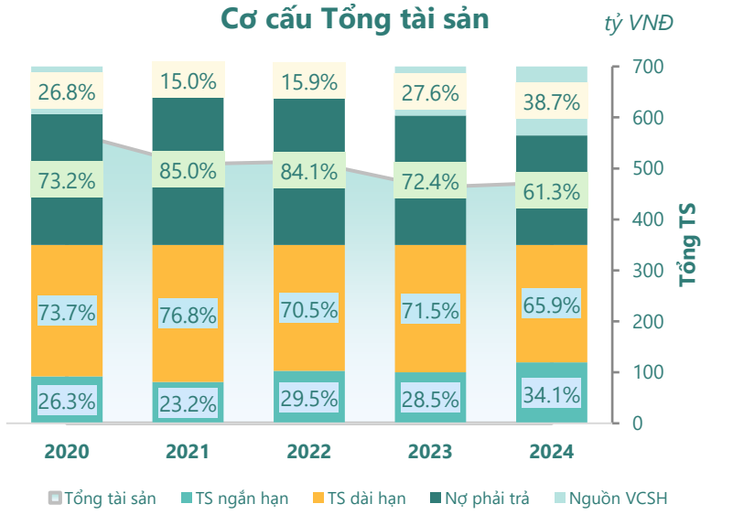
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

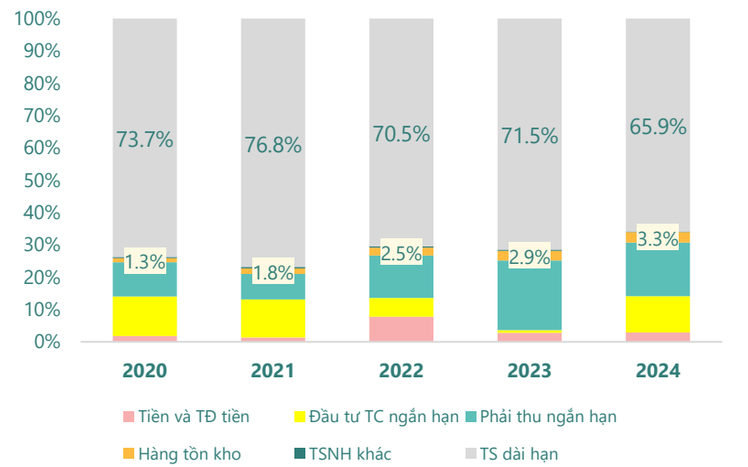
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



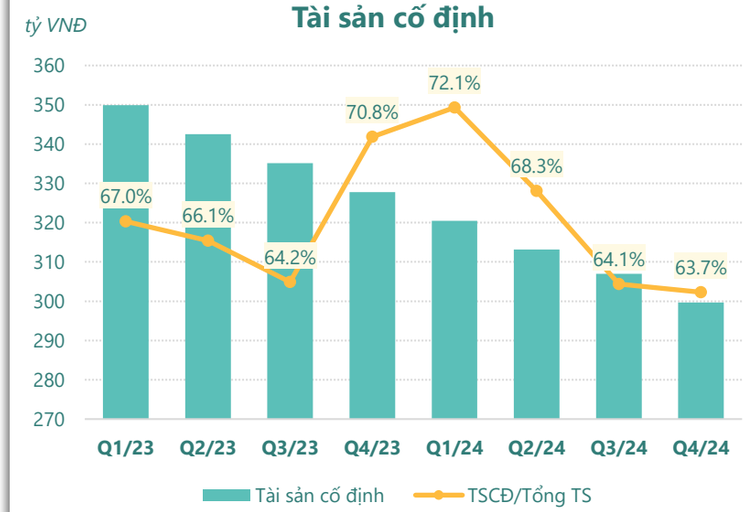
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



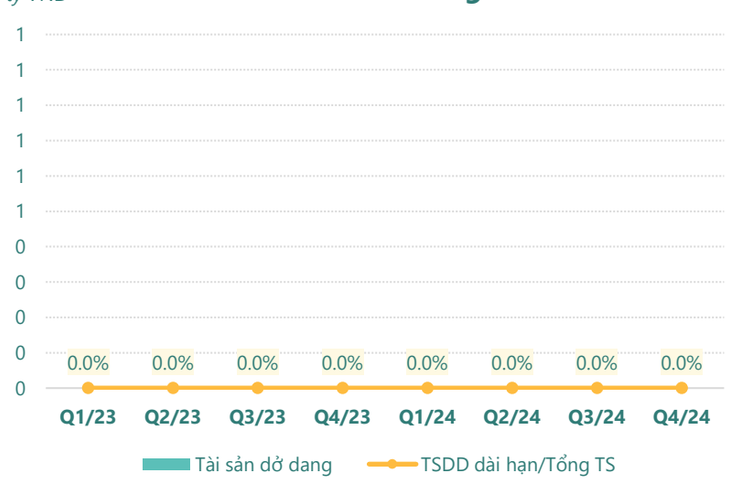
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



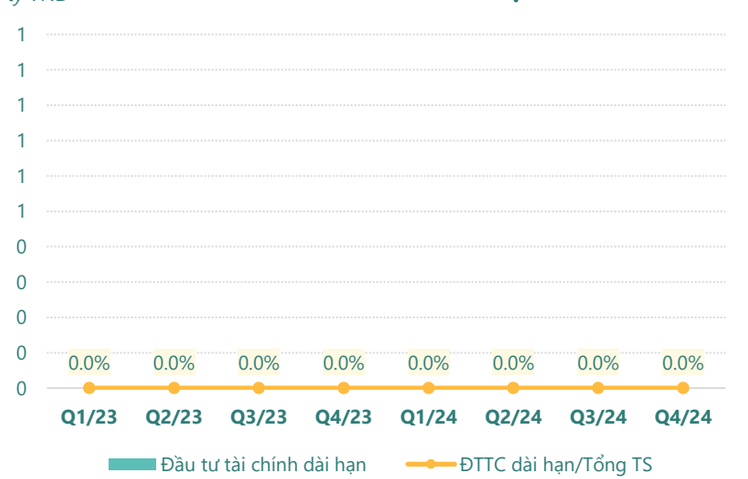
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



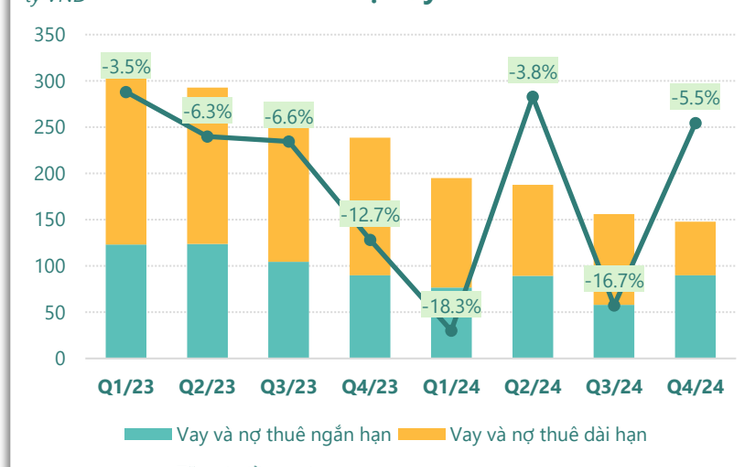
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

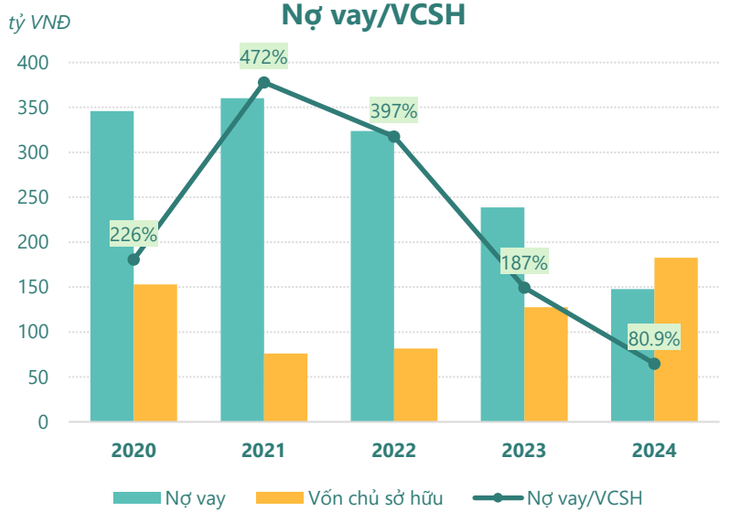
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

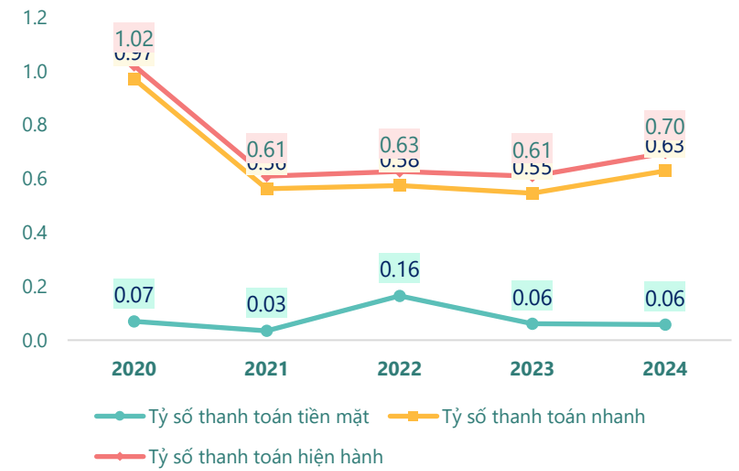
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



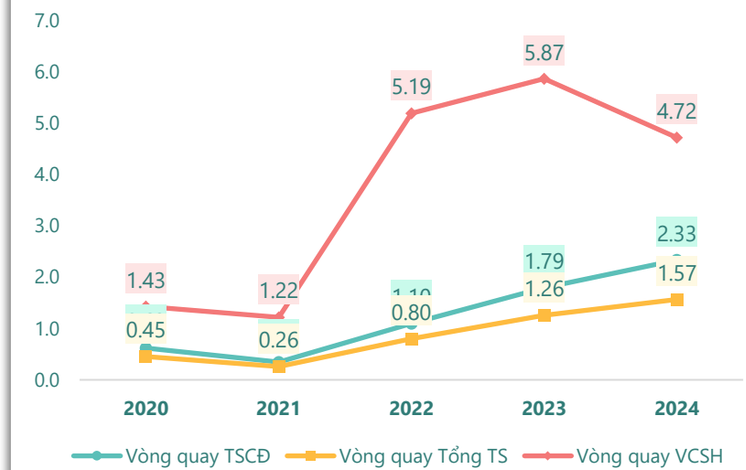
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



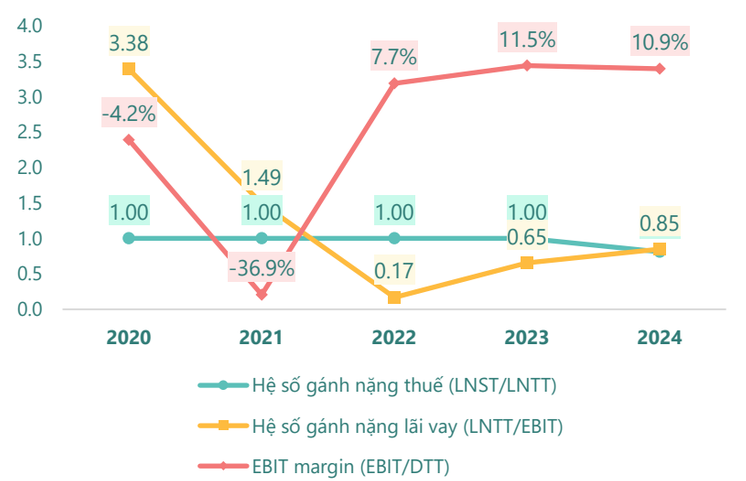
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



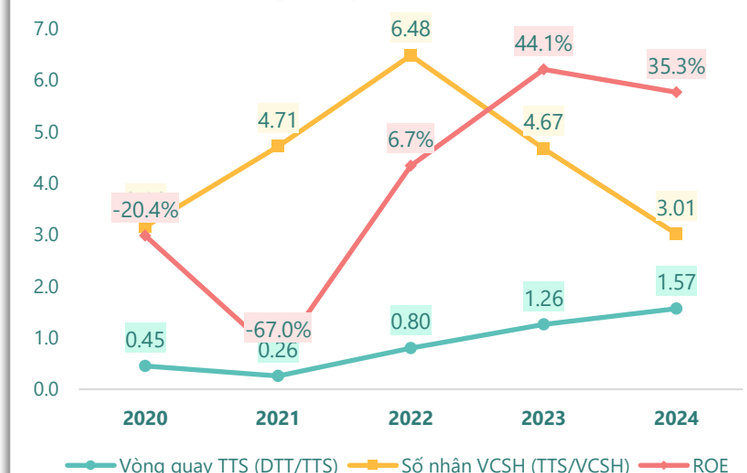
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



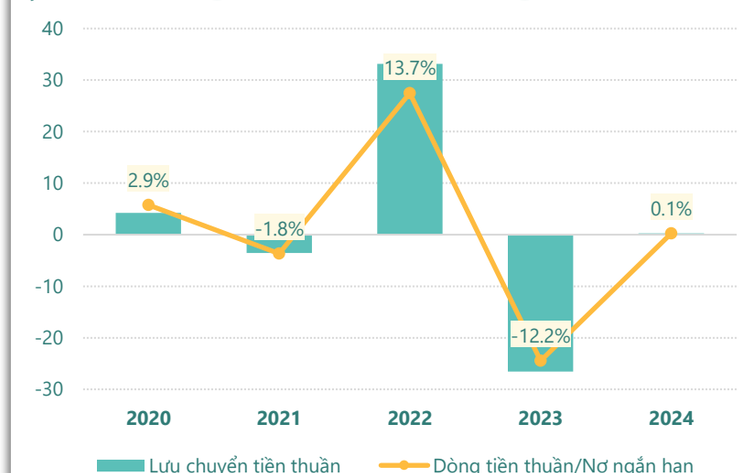
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**194**	**167**	**16.0%**	**732**	**614**	**19.3%**
Giá vốn hàng bán	166	139	19.2%	615	510	20.5%
Lợi nhuận gộp	28.0	27.6	1.6%	117	103	13.2%
Doanh thu HĐTC	1.81	1.34	35.0%	2.80	3.98	-29.8%
Chi phí TC	2.48	5.06	-51.0%	12.4	24.7	-49.9%
Chi phí lãi vay	2.35	4.99	-52.9%	12.1	24.6	-50.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.22	2.68	20.2%	13.9	14.9	-6.7%
Chi phí QLDN	**6.44**	**5.16**	**24.9%**	**26.1**	**21.8**	**19.6%**
LN thuần từ HĐKD	17.7	16.1	9.9%	67.4	46.0	46.8%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.02**	**54.4%**	**0.17**	**0.23**	**-25.2%**
LN trước thuế	17.7	16.1	10.1%	67.6	46.2	46.4%
Lợi nhuận sau thuế	**12.8**	**16.1**	**-20.4%**	**54.8**	**46.2**	**18.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.8**	**16.1**	**-20.4%**	**54.8**	**46.2**	**18.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.7	31.5	44.7	39.9	48.9	7.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.5	20.5	0.01	0.01	-50.5	1.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.3	-61.6	-43.6	-7.48	-31.4	-8.52
Tiền đầu kỳ	8.98	22.8	13.2	14.3	46.7	13.5
Lưu chuyển tiền thuần	**13.8**	**-9.57**	**1.09**	**32.4**	**-32.9**	**-0.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.05	0	0.07	-0.30	0.26
Tiền cuối kỳ	22.8	13.2	14.3	46.7	13.5	13.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**470**	**463**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	162	132	22.6%
Tiền và tương đương tiền	13.5	13.2	2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.0	3.50	1414%
Phải thu ngắn hạn	76.6	100	-23.4%
Hàng tồn kho	15.4	13.7	12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.60	1.85	95.3%
Tài sản dài hạn	**308**	**331**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0.56	1.53	-63.4%
Tài sản cố định	300	328	-8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.77**	**1.72**	**353%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	288	335	-14.3%
Nợ ngắn hạn	**230**	**217**	**5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.8	120	-25.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	73.2	61.1	19.8%
Nợ dài hạn	57.9	119	-51.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	57.9	119	-51.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**183**	**128**	**42.9%**
Vốn chủ sở hữu	**183**	**128**	**42.9%**
Vốn điều lệ	179	179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)